|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn: | Ngày dạy: |

|  |  |
| --- | --- |
| Tiết theo KHDH: |  |

**Chương VI: HÌNH HỌC PHẲNG**

**§ 3: ĐOẠN THẲNG**

**Thời gian thực hiện: 3 tiết**

**I. Mục tiêu**:

*1. Kiến thức:* HS được học các kiến thức về:

Đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng, hai đoạn thẳng bằng nhau, trung điểm của đoạn thẳng, biết so sánh hai đoạn thẳng.

- Nhận biết được một số hình ảnh trong thực tiễn có liên quan điến đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, hai đoạn thẳng bằng nhau.

*2. Năng lực:*

*\* Năng lực chung:*

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\**Năng lực chuyên biệt*:

- Năng lực giao tiếp toán học: HS phát biểu được khái niệm đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: Thực hiện được các thao tác tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, … để hình thành khái niệm về đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng.

Biết được hai đoạn thẳng bằng nhau, cách đo độ dài đoạn thẳng, so sánh hai đoạn thẳng dựa vào độ dài của chúng; vận dụng các kiến thức trên để giải các bài tập liên quan, giải một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

*3. Về phẩm chất:*

- Chăm chỉ: Thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: Thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: Hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, compa, hình ảnh liên quan đến đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, bảng phụ hoặc máy chiếu.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, compa, bảng nhóm, sợi dậy, thanh gỗ.

**III. Tiến trình dạy học**

**Tiết 1**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu** (khoảng 5 phút)

- Tiếp cận với đoạn thẳng và độ dài đoạn thẳng.

**a)Mục tiêu :**

- HS bước đầu hình thành khái niệm đoạn thẳng và độ dài đoạn thẳng từ hình ảnh thực tế.

**b)Nội dung:** HS được yêu cầu:

-Thực hiện các yêu cầu của phần khởi động ở sgk trang 84.

- Đọc đề bài tập và trả lời các câu hỏi như sgk trang 84.

**c)Sản phẩm:** Kết quả trả lời của HS.

**d)Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  GV yêu cầu HS đọc câu hỏi phần khởi động ở SGK trang 84và hoạt động theo nhóm trả lời câu hỏi:    - Ba đường nối từ O đến các điểm A, B, C gợi nên hình ảnh gì?  - Các số đo độ dài 200 m, 150m, 100m nói lên điều gì?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - Đọc câu hỏi phần khởi động ở SGK trang 84 .  - Thảo luận nhóm trả lời kết quả.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV chọn 2 nhóm hoàn thành nhiệm vụ nhanh nhất trình bày kết quả.  - HS cả lớp quan sát, lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS, chính xác hóa các đáp án.  - GV đặt vấn đề vào bài mới:  Ba đường nối từ O đến các điểm A, B, C gợi nên hình ảnh đoạn thẳng.  - Các số đo độ dài 200 m, 150m, 100m nói lên độ dài đoạn thẳng.  Vậy đoạn thẳng là gì? Vẽ đoạn thẳng như thế nào?Làm thế nào để đo độ dài của đoạn thẳng. Chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay. | |  |  | | --- | --- | | Nhóm | Trả lời các yêu cầu | | 1 |  | | 2 |  | | 3 |  | | 4 |  | |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới** (khoảng 37phút)

**Hoạt động 2.1: Khái niệm đoạn thẳng** (khoảng 17 phút)

**a) Mụctiêu:**

- Hs học được khái niệm đoạn thẳng, biết vẽ được đoạn thẳng.

**b)Nội dung:**

- Học sinh được yêu cầu cho hai điểm A và B và đặt cạnh thước đi qua hai điểm A và B và dùng đầu bút vạch theo cạnh thước từ điểm A đến điểm B.

- Hình thành khái niệm đoạn thẳng AB.

- Làm các bài tập: Ví dụ 1, làm bài tập 1 phần vận dụng (SGK trang 84)

**c)Sản phẩm:** Kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  Yêu cầu HS thực hiện:  -Cho hai điểm A và B và đặt cạnh thước đi qua hai điểm A và B và dùng đầu bút vạch theo cạnh thước từ A dến B.  - Phát biểu khái niệm đoạn thẳng AB.  - Làm các bài tập: Ví dụ 1, luyện tập 1 phần vận dụng (SGK trang 84)  - Yêu cầu học sinh đọc khái niệm trong SGK.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  Cho hai điểm A và B và đặt cạnh thước đi qua hai điểm A và B và và dùng đầu bút vạch theo cạnh thước từ A đến B.  - HS nêu dự đoán khái niệm đoạn thẳng AB  - Làm các bài tập: Ví dụ 1, luyện tập 1 (SGK trang 84)  - Yêu cầu học sinh đọc khái niệm trong SGKtrang 84.  - HS lắng nghe và quan sát GV giới thiệu lưu ý.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - Với mỗi câu hỏi, GV yêu cầu vài HS nêu dự đoán (trả lời miệng).  - HS cả lớp lắng nghevà nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV giới thiệu khái niệm đoạn thẳng như SGK trang 84, yêu cầu vài HS đọc lại.  - GV nêu lưu ýtrong SGK trang84. | **1. Khái niệm đoạnthẳng:**  **a) Kháiniệm;**    \* Đoạn thẳng AB là hình gồm điểm A, điểm B và tất cả các điểm nằm giữa A và B  **b) Lưu ý**: Đoạn thẳng AB còn gọi là đoạn thẳng BA |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Hoạt động cá nhân làm Ví dụ 1 SGK trang 84.  - Hoạt động theo cặp làm bài Luyện tập1.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ trên.  **\* Hướng dẫn hỗ trợ:GV chốt lại :**  GV chốt sự khác nhau giữa đoạn thẳng và đường thẳng  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - Lời giải ví dụ 1.  - Kết quả luyện tập 1.  - HS cả lớp theo dõi, nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV chính xác hóa các kết quả và nhận xét mức độ hoàn thành của HS.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  - Hoạt động cá nhân thực hiện yêu cầu của phần bài 1sgk trang 87.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS thực hiện các nhiệm vụ trên theo hình thức vấnđáp  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - Cá nhân trả lời và các HS khác lắng nghe quan sát và đánh giá.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV đánh giá kết quả của các HS, chính xác hóa kết quả. | **c) Áp dụng**  **Ví dụ 1 (SGK trang 84)**    **Luyện tập 1 (SGK trang 84)**    Bốn điểm I, K, P, Q thuộc đoạn thẳng IK.  Hai điểm T và R không thuộc đoạn thẳng IK  Bài 1 (SGK trang 87):2    Các điểm P, M, N thuộc đoạn thẳng MN.  Điểm Q không thuộc đoạn thẳng MN |

**Hoạt động 2.2: Hai đoạn thẳng bằng nhau**( khoảng 10 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Hs học được hai đoạn thẳng bằng nhau, nhận biết được hai đoạn thẳng bằng nhau nhờ compa.

**b) Nội dung:**

- HS được yêu cầu đọc HĐ2 SGK trang 85 từ đó dự đoán và nhận biết được hai đoạn thẳng bằng nhau.

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

-Hai đoạn thẳng bằng nhau và kí hiệu

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - Thực hiện HĐ2 trong SGK trang 85  - Dự đoán về hai đoạn thẳng AB và CD.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV kiểm tra kết quả thực hiện HĐ 2 của một vài HS.  - GV yêu cầu vài HS nêu dự đoán về hai đoạn thẳng AB và CD.  - HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hóa kết quả của HĐ2, chuẩn hóa kí hiệu hai đoạn thẳng bằng nhau. | **2. Hai đoạn thẳng bằng nhau**    Khi hai đoạn thẳng AB và CD bằng nhau ta kí hiệu là *AB = CD* |

**Hoạt động 2. 3: Độ dài đoạn thẳng.**

**2.3.1. Đo đoạn thẳng** (10 phút)

**a) Mục tiêu:**

- Biết độ dài đoạn thẳng là gì?

- Biết đo độ dài đoạn thẳng.

**b) Nội dung:**

- Nêu dụng cụ để đo đoạn thẳng.

- HS được yêu cầu vẽ đoạn thẳng AB và đo đoạn thẳng AB.

- So sánh độ dài đoạn thẳng AB với số 0, từ đó phát hiện thức mới:

Mỗi đoạn thẳng có độ dài là một số dương.

Hai đoạn thẳng bằng nhau thì có độ dài bằng nhau.

- HS được yêu cầu đo chiều rộng, chiều dài của quyển sách toán 6 tập 2.

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

-Dụng cụ đo đoạn thẳng, cách đo đoạn thẳng.

- Kết quả đo chiều rộng, chiều dài của quyển sách toán 6 tập 2.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  - Nêu dụng cụ đo đoạn thẳng?   * Vẽ đoạn thẳng AB. * Đo độ dài đoạn thẳng AB. Nêu rõ cách đo? * So sánh độ dài đoạn thẳng AB vớisố 0?   - Đo chiều dài, chiều rộng của quyển sách toán 6 tập 2  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân, cặp đôi.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu HS đứng tại chỗ trình bày kết quả thực hiện.  - HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hóa kết quả của HS.  GV giới thiệu một vài loại thước dùng đo độ dài.   * Vẽ đoạn thẳng AB. Đo độ dài đoạn thẳng AB. Nêu rõ cách đo. * GV giới thiệu kết luận   - Chuẩn hóa kết quả đo chiều rộng, chiều dài của quyển sách toán 6 tập 2 | **III. Độ dài đoạn thẳng**  **1. Đo đoạn thẳng:**  **\*Đo đoạn thẳng:**  a) Dụng cụ: Thước thẳng có chia khoảng mm, cm,…  b) Cách đo :SGK-85    \* ***Kết luận***:  Mỗi đoạn thẳng có độ dài là một số dương.  Hai đoạn thẳng bằng nhau thì có độ dài bằng nhau. |

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (3 phút)

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Nắm được khái niệm đoạn thảng, nhận biết được hai đoạn thẳng bằng nhau, biết đo đoạn thẳng.

- Làm bài tập 2 SGK trang 88.

- Tìm một số hình ảnh về đoạn thẳng.

- Đọc nội dung phần còn lại của bài, tiết sau học tiếp.

**Tiết 2:**

**3.2: So sánh hai đoạn thẳng** (khoảng12phút)

**a) Mụctiêu:**

- HS học được cách so sánh hai đoạn thẳng

- HS biết so sánh hai đoạn thẳng.

**b) Nội dung:**

- HS được yêu cầu đọc HĐ3 SGK trang 86 và thực hiện các yêu cầu như SGK

- Vận dụng làm ví dụ 1, bài tập vận dụng 2 SGK trang 86.

**c) Sản phẩm:K**ết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Nêu kết quả và giải thích.

- Lời giải ví dụ 2, luyện tập 2 SGK trang 86.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - Thực hiện HĐ3 trong SGK trang 86  - Đo độ dài của các đoạn thẳng trong hình 44.  - So sánh độ dài của hai đoạn thẳng AB và CD; AB và EG  - Nêu cách so sánh hai đoạn thẳng.  - Làm ví dụ 2 SGK trang 86  - Làm bài tập vận dụng 2/ sgk trang 86  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV yêu cầu HS đứng tại chỗ trình bày kết quả thực hiện HĐ3.  - GV yêu cầu 2 HS lên bảng làm bài ví dụ 2, bài tập vận dụng 2/sgk.  - HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV chính xác hóa kết quả của HĐ3, chuẩn hóa các kết quả của ví dụ 2, bài tập vận dụng 2/trang 86, sgk. | **2. So sánh hai đoạn thẳng.**  Nếu độ dài đoạn thẳng AB bằng độ dài đoạn thẳng CD thì ta có *AB = CD .*  Nếu độ dài đoạn thẳng AB lớn hơn độ dài đoạn thẳng CD thì ta có *AB > CD .*  Nếu độ dài đoạn thẳng AB nhỏ hơn độ dài đoạn thẳng CD thì ta có *AB <CD .*  **Vídụ 2: (sgk/86)**   1. AB = CD 2. AB < MN 3. MN > CD   **Vậndụng 2/ sgktrang 86:**  AB <AC<BC |

**Hoạt động 4: Trung điểm của đoạn thẳng**.( khoảng 30 phút)

**a) Mục tiêu:**

Học sinh học được khái niệm trung điểm của đoạn thẳng.

**b) Nội dung:**

- Cho HS thực hiện hoạt động 4/ SGK trang 86:

Gấp giấy sao cho điểm B trùng vào điểm A. Nếp gấp cắt đoạn thẳng AB tại điểm M.

Hãy so sánh hai đoạn thẳng MA và MB

- HS được yêu cầu về khái niệm trung điểm M của đoạn thẳng AB .

- HS được yêu cầu thực hiện các ví dụ 3, 4/ sgk trang 87 và làm bài tập vận dụng 3 sgk trang 87

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở: ví dụ 2, 3, bài tập vận dụng 3/ sgk trang 87

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - Cho HS thực hiện hoạt động 4/ SGK trang 86 theo 4 nhóm:  Gấp giấy sao cho điểm B trùng vào điểm A. Nếp gấp cắt đoạn thẳng AB tại điểm M.  Hãy so sánh hai đoạn thẳng MA và MB  - Phát biểu dự đoán khái niệm trung điểm M của đoạn thẳng AB .  -**\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo nhóm, cá nhân.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu HS đại diện nhóm nhanh nhất đứng tại chỗ trình bày kết quả thực hiện.  - HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét lần lượt từng câu.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hóa kết quả của HS.  - GV giới thiệu kết luận định nghĩa trung điểm của đoạn thẳng AB, nội dung chú ý ở SGK/ trang 87. | **III. Trung điểm của đoạn thẳng**  ***1/ Định nghĩa:***    \* Trung điểm M của đoạn thẳng AB là điểm nằm giữa hai điểm A, B sao cho AM = MB  ***2/ Chú ý***: Trung điểm của đoạn thẳng còn được gọi là điểm chính giữa của đoạn thẳng đó. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  -Thực hiện các ví dụ 3, 4/ sgk trang 87  -Nhận xét độ dài của ba đoạn thẳng AM, MB, AB?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân, nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  **-** GV yêu cầu HS đứng tại chỗ trình bày kết quả thực hiện của ví dụ 3 SGK trang 87.  - GV yêu cầu HS đại diện nhóm nhanh nhất đứng tại chỗ trình bày kết quả thực hiện ví dụ 4 SGK trang 87.  - HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét lần lượt từng câu.  - Nhận xét độ dài của ba đoạn thẳng AM, MB, AB?  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hóa kết quả của HS.  GV hướng dẫn HS thực hiện cách 1, 2 ở ví dụ 4  -Yêu cầu HS gấp giấy để tìm trung điểm của đoạn thẳng theo nhóm  -Chuẩn hóa kết quả ví dụ 3, 4/ sgk trang 87.  - Sau khi thực hiện cách 2 ở ví dụ 4 SGK trang 87 GV giới thiệu lưu ý. | ***3) Áp dụng:***  Ví dụ 3 ( SGK trang 87)  Điểm O là trung điểm của đoạn thẳng MN. Điểm E là trung điểm của đoạn thẳng CD.  Điểm I là trung điểm của đoạn thẳng thẳng HK. Điểm V là trung điểm của đoạn thẳng ST.  Ví dụ 4 ( SGK trang 87)  **(Cách vẽ trung điểm của đoạn thẳng)**  \*Cách 1:  Dùng thước thẳng có chia khoảng  \*Cách 2: Gấp giấy  **Lưu ý:** Nếu M là trung điểm của đoạn thẳng AB thì độ dài mỗi đoạn thẳng MA, MB đều bằng một nữa độ dài đoạn thẳng AB. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  -Thực hiện luyện tập 3 sgk trang 87  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo 4 nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu 1 HS đại diện nhóm nhanh nhất đứng tại chỗ trình bày kết quả thực hiện luyện tập 2 SGK trang 87.  - HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV chính xác hóa kết quả của HS.  - Dùng sợi dây xác định chiều dài thanh gỗ.  - Gấp đoạn dây sao cho hai đầu mút trùng nhau. Nếp gấp của dây xác định trung điểm của mép thẳng thanh gỗ.  - Dùng bút chì đánh dấu trung điểm.  -Chuẩn hóa kết quả luyện tập 3/ sgk trang 87. | **Luyện tập 3/ sgk trang 87:** |

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà** (3 phút)

- Đọc lại toàn bộ nội dung bài đã học.

- Nắm các khái niệm, kết luận, chú ý của bài học.

- Làm bài tập 2, 3, 4,5 SGK trang 88.

**Tiết 3:**

**4. Hoạt động luyện tập** (khoảng 38 phút)

**a) Mục tiêu:**

- HS rèn luyện được khái niệm đoạn thẳng, vẽ đoạn thẳng, đo độ dài đoạn thẳng, so sánh hai đoạn thẳng, vẽ trung điểm của đoạn thẳng và giải được một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

- Giao nhiệm vụ tự học cho HS.

**b) Nội dung:**

**-** HS được yêu cầu làm các bài tập từ 2 đến 6 SGK trang 88.

- Yêu cầu hs về nhà đọc phần tìm tòi – mở rộng sgk/ 88

**c) Sản phẩm:** Kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở:

- Lời giải các bài tập từ 2 đến 6 SGK trang 88.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 1:**  **-**- Làm các bài tập: Làm các bài tập từ 2 đến 4 SGK trang 88.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên theo cá nhân.  - Hướng dẫn, hỗ trợ  Bài 2: Để vẽ điểm I thuộc đoạn thẳng PQ và điểm K không thuộc đoạn thẳng PQ ta làm thế nào?  Bài 3: Trung điểm M của đoạn thẳng AB là gì điểm như thế nào?  Điểm C là trung điểm của đoạn thẳng PQ thì ta suy ra điều gì? Và ngược lại nên điểm C nằm giữa hai điểm P và Q thì ta có kết luận gì?  Bài 4: Quan sát hình 50/ sgk và trả lời các câu hỏi  - Điểm I thuộc những đoạn thẳng nào?  - Điểm I là trung điểm của những đoạn thẳng nào? Giải thích ?  - Điểm A không thuộc những đoạn thẳng nào?  - GV nhấn mạnh: Điểm A thuộc đoạn thẳng CD thì điểm phải nằm giữa hai điểm C và D.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV yêu cầu 1 HS lên bảng vẽ hình bài 2/ sgk trang 88  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  - GV yêu cầu HS trả lời cá nhân bài 3, 4/ sgk trang 88  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  - GV nhấn mạnh: Điểm A thuộc đoạn thẳng CD thì điểm phải nằm giữa hai điểm C và D. | **4. Luyện tập**  **Dạng 1. Khái niệm đoạn thẳng**  *Đoạn thẳng AB là hình gồm điểm A, điểm B và tất cả các điểm nằm giữa A và B*  Bài tập 2 SGK trang 88  **Dạng 2. Trung điểm đoạn thẳng**    Bài tập 3 SGK trang 30   1. Nếu điểm C là trung điểm của đoạn thẳng PQ thì điểm **C** nằm giữa hai điểm P và Q, và hai đoạn thẳng **PC, CQ** bằng nhau. 2. Nếu điểm G nằm giữa hai điểm I, K và GI = GK thì điểm **G** là trung điểm của đoạn thẳng IK.   Bài tập 4 SGK trang 30     1. Điểm I thuộc đoạn thẳng AB, CD 2. Điểm I là trung điểm của đoạn thẳng AB và CD. 3. Điểm A không thuộc những đoạn thẳng CD, CI, ID, IB. |
| **\* GVgiao nhiệm vụ học tập 2:**  - Nêu các cách tính độ dài đường gấp khúc ABCD  - Hoạt động nhóm 4 làm bài tập 5 SGK trang 88.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên.  - Hướng dẫn, hỗ trợ bài 5:  a) Độ dài đường gấp khúc ABCD bằng tổng độ dài các đoạn thẳng AB, BC, CD, DA.  b) Dụa vào kết quả câu a so sánh với độ dài đoạn thẳng AD  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - GV yêu cầu đại diện 1 nhóm HS lên trình bày, lưu ý chọn cả bài tốt và chưa tốt.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV khẳng định kết quả đúng, đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **Dạng 3 : Độ dài đoạn thẳng**  Bài tập 5 SGK trang 88  a)Độ dài đường gấp khúc ABCD là:  4 +7+3+9 = 23 (cm)   1. Độ dài đường gấp khúc ABCD lớn hơn độ dài đoạn thẳng AD ( VÌ 23 cm > 9cm) |
| ***\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:***  *- Làm bài tập bổ sung của GV ra*  ***\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:***  *- HS thực hiện theo nhóm làm bài tập trên phiếu học tập.*  *- Lời giải cho bài tập*  ***\* Báo cáo, thảo luận 3:***  *- GV yêu cầu HS thảo luận 4 nhóm bài tập bổ sung.*  *- Đại diện 2 nhóm làm nhanh báo cáo kết quả*  *HS cả lớp lắng nghe, quan sát và nhận xét lần lượt từng câu.*  ***\* Kết luận, nhận định 3:***  *- GV chính xác hóa kết quả của nhiệm vụ 2, chuẩn hóa các kết quả của bài tập bổ sung của GV.*  *- GV hướng dẫn câu c đo trên hình ở phiếu học tập* | ***BÀI TẬP BS:***  *BT 1)*  *Cho hình chữ nhật ABCD (hình bên)*     1. *Hãy kể tên các đoạn thẳng có trong hình vẽ.* 2. *Dùng thước hoặc compa để kiểm tra xem những đoạn thẳng nào bằng nhau* 3. *Hãy đo và so sánh độ dài của các đoạn thẳng AD và BD, AB và AC* 4. *Dựa vào kết quả đo cho biết điểm E là trung điểm của đoạn thẳng nào?*   ***Giải:***   1. *Các đoạn thẳng có trong hình vẽ là: AB, BC, CD, DA, AE, EC, DE, BE, AC, BD.* 2. *Các đoạn thẳng bằng nhau là:*   *AB và DC, AD và BC, AE, EC, EB và DE.*   1. *AB = DC, BC = AD,*   *AE = EC = BE= DE*   1. *Điểm E là trung điểm của đoạn thẳng AC, DB* |

**Bài tập về nhà:**

1. Trong hình vẽ bên, các đoạn thẳng ME và FN bằng nhau. Hỏi các đoạn thẳng MF và NE có bằng nhau không?



1. Cho các điểm M, N, O, A và B có vị trí như hình vẽ. Biết rằng OA = 5 cm, 0B= 10 cm, ON = 5cm, MN = 5 cm. Điểm N, điểm O lần lượt là trung điểm của đoạn thẳng nào?



- Tìm một số hình ảnh về đoạn thẳng và trung điểm của đoạn thẳng trong thực tiễn.

**4. Hoạt động vận dụng** (khoảng 5 phút)

**a) Mục tiêu:**Vận dụng các kiến thức đã học về đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng để xác định, giải thích rõ được những khái niệm sử dụng hàng ngày.

**b) Nội dung:** Nhiệm vụ về nhà:

- Nắm chắc các khái nệm về đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, biết đo đoạn thẳng và so sánh hai đoạn thẳng.

- Xác định được điểm thuộc hay không thuộc đoạn thẳng, vẽ được trung điểm của đoạn thẳng.

-Yêu cầu hs về nhà đọc phần tìm tòi – mở rộng sgk/ 88

- Chuẩn bị giờ sau: Đọc trước nội dung bài 4 – Tia/ SGK trang 89.

- Thực hiện nhiệm vụ cá nhân

**c) Sản phẩm:**Kết quả thực hiện của học sinh được ghi vào vở

**d) Tổ chức thực hiện:**

**-GVgiao nhiệm vụ như mục Nội dung** (khoảng 2 phút)

- Hướng dẫn, hỗ trợ: GV giải đáp thắc mắc của HS để hiểu rõ nhiệm vụ.

**- HS thực hiện nhiệm vụ** tại nhà.

- GV chọn một số HS nộp bài vào thời điểm thích hợp ở buổi sau, nhận xét, đánh giá quá trình

- GV nhận xét, đánh giá chung bài của các HS nộp bài để các HS khác tự xem lại bài làm của mình.